

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiệp.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1985,
Địa chỉ: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường Tân A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1983,
Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Yên Đ, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường Tân A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021 và quá trình giải quyết, bà Lê Thị Ngọc L là nguyên đơn trình bày: Bà L và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân

An, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 19/12/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, Bà L phải tự quán xuyến mọi việc trong gia đình và nuôi dạy con cái. Bà L đã cho ông T rất nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T. Về con chung, Bà L và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Thành, sinh ngày 23/10/2002. Khi ly hôn, Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Xuân Th và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Xuân T tại nơi cư trú, lý do ông T thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Tân An xác định ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1983 có sinh sống cùng với vợ là bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1985, từ năm 2005 đến nay tại địa chỉ số 42 đường ĐX141, tổ 13, khu phố 1, phường Tân An, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nhưng không có đăng ký tạm trú. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông T theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Tân An và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 02/6/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Tân An xác định Bà L và ông T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01, ngày 19/12/2005. Sau khi kết hôn, Bà L và ông T chung sống với nhau tại địa chỉ số 42 đường ĐX141, tổ 13, khu phố 1, phường Tân An, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, Bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời, Bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn

chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/6/2021, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01 ngày 19/12/2005 của Ủy ban nhân dân phường Tân An là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa Bà L và ông Nguyễn Xuân T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, Bà L phải tự quán xuyến kinh tế trong gia đình, nuôi dạy con cái. Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ và cho ông T cơ hội với mong muốn ông T sẽ sửa đổi tính tình, vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông T đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, Bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T. Qua xác minh tại địa phương xác định quá trình chung sống, Bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Điều này cho thấy lời trình bày của Bà L về tình trạng hôn nhân của ông bà là có căn cứ. Hơn nữa, về phía bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông T không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa Bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc L đối với ông Nguyễn Xuân T là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, Bà L và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 23/10/2005. Hiện nay, cháu Thành đang sống ổn định với Bà L nên Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, Bà L có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng của bà là 6.000.000đ/tháng, đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình làm việc, cháu Thành trình bày hiện cháu Thành đang sống với Bà L, do Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Thành có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Lê Thị Ngọc L trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Xuân Th cho Bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 23/10/2005 cho bà Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Xuân T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Ngọc L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Xuân T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc L phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0051347 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung